

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 223/UBND-NV
Về việc lập hồ sơ phân loại thôn, khu phố
trên địa bàn thành phố Uông Bí

Uông Bí, ngày 06 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Công văn số 186/SNV-XDCQ&CTTN ngày 05/02/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh về việc lập hồ sơ phân loại thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/12/2012 Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Căn cứ Quyết định số 4173/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành tiêu chí phân loại thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Để triển khai, tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại thôn, khu phố trên địa bàn thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị, Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát báo cáo cụ thể về tiêu chí quy mô hộ gia đình; tiêu chí về các yếu tố đặc thù số liệu 31/12/2019 (có biểu gửi kèm).

Báo cáo, hồ sơ được quy định tại Quyết định số 4173/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh, gửi về UBND thành phố qua cơ quan Tổ chức - Nội vụ trước ngày **18/02/2020**; để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh. Quá thời hạn trên coi như UBND xã, phường không có nhu cầu.

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí yêu cầu UBND các xã, phường triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TC-NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thành

MẪU SỐ 2

BIỂU TỔNG HỢP THẨM ĐỊNH PHÂN LOẠI THÔN, BẢN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ.....

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/..... của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Tên đơn vị cấp xã	Tổng số thôn, bản, khu phố	Số thôn, bản	Dự kiến phân loại của cấp huyện			Số khu phố	Dự kiến phân loại của cấp huyện			Ghi chú
				Loại I	Loại II	Loại III		Loại I	Loại II	Loại III	
1	2	3 = (4+8)	4 = (5+6+7)	5	6	7	8 = (9+10+11)	9	10	11	12
1											
2											
3											
4											
5											
6											
	Cộng										

Ghi chú (nếu có)

MẪU SỐ 1A

BIỂU TỔNG HỢP TÍNH ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐỐI VỚI THÔN, BẢN

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/..... của Ủy ban nhân dân)

T	Tên thôn	Tiêu chí quy mô hộ gia đình		Tiêu chí về các yếu tố đặc thù													Tổng số điểm	Dự kiến phân loại	Ghi chú
		Số hộ (hộ)	Số điểm (tối đa 50 điểm)	Tiêu chí diện tích tự nhiên		Yếu tố khu vực		Yếu tố An ninh trật tự			Yếu tố hộ là người dân tộc thiểu số			Yếu tố hộ nghèo					
				Tổng diện tích (ha)	Số điểm (tối đa 25 điểm)	Thôn ĐBK, xã khu vực	Số điểm	Thôn phức tạp ANT	Số điểm	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ %	Số điểm	Số hộ nghèo	Tỷ lệ %	Số điểm				
1	2	3	4	5 = 7+9+11+14+17	6	7	8	9	10	11	12	13 = 12/3	14	15	16 = 15/3	17	18 = 4+6+7	19	20
...																		
..																		

Toàn xã có..... Thôn, bản; trong đó: Loại 1.....thôn, bản; Loại 2.....thôn, bản; Loại 3.....thôn, bản./.

MẪU SỐ 1B

**BIỂU TỔNG HỢP TÍNH ĐIỂM
CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐỐI VỚI KHU PHỐ**

(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày/.../.... của Ủy ban nhân dân)

TT	Tên khu phố	Tiêu chí quy mô hộ gia đình		Tiêu chí các yếu tố đặc thù													Tổng số điểm	Dự kiến phân loại	Ghi chú			
		Tổng số (hộ)	Số điểm (tối đa 50 điểm)	Tiêu chí diện tích tự nhiên		Yếu tố khu vực		Yếu tố An ninh trật tự		Yếu tố cơ cấu hộ SX nông nghiệp			Yếu tố hộ nghèo									
				Tổng diện tích tự nhiên (ha)	Số điểm (tối đa 25 điểm)	Khu phố thuộc phường, thị trấn khu vực I,II	Số điểm	Khu phố phức tạp ANTT	Số điểm	Số hộ	Tỷ lệ %	Số điểm	Số hộ	Tỷ lệ %	Số điểm							
1	2	3	4	5=7+9+11+14+17				6	7	8	9	10	11	12	13 = 12/3	14	15	16 = 15/3	17	18 = 4+6+7	19	20
...																						

Phường, thị trấn có..... khu phố, trong đó: Loại 1..... Khu phố; Loại 2..... khu phố; Loại 3..... khu phố.